

Số: *12* /BC-KHCN

Tây Ninh, ngày *22* tháng *01* năm 2015

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2011 – 2015;
định hướng hoạt động giai đoạn 2016 - 2020**

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số <i>263C</i> Ngày <i>26/01/2015</i>

PHẦN I.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

I. Kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Khoa học và Công nghệ tại địa phương

Trong năm năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Tây Ninh đã tập trung lãnh đạo việc tổ chức triển khai quán triệt đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ KH&CN; Phối hợp tốt với các cấp, các ngành trong công tác, triển khai tham mưu UBND tỉnh cụ thể thành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh như *Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2012 – 2015; Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Bà Đen dùng cho sản phẩm quả măng cầu; Quy định hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012 – 2015; tham mưu UBND tỉnh ban hành “Quy hoạch phát triển hoạt động Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”* nhằm nâng cao trình độ KH&CN của các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh, từng bước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và khai thác hiệu quả các nguồn lực trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành nền kinh tế tri thức, đẩy mạnh năng lực KH&CN nội sinh của tỉnh nhằm đi trước, đón đầu giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần đưa Tây Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại đến năm 2020.

II. Kết quả hoạt động KH&CN

1. Những kết quả, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đạt được

1.1- Trong Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án được ngành nông nghiệp đã tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt; chuyển đổi cơ cấu cây trồng làm tăng

năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế tổng hợp trên một đơn vị diện tích canh tác; giúp nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông sản an toàn nói chung, sản xuất rau, quả an toàn nói riêng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất cây ăn quả theo hướng VietGAP góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của tỉnh, hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo diện mạo nông thôn mới trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng và được công nhận 03 thương hiệu đặc sản của tỉnh (Măng cầu Bà Đen, Bánh tráng phơi sương Trảng Bàng, Muối ớt Tây Ninh); việc chuyển giao nhãn hiệu tập thể "Trảng Bàng" của sản phẩm bánh tráng phơi sương cho HTX tiểu thủ công nghiệp tiếp nhận và sử dụng đã đem lại hiệu quả, từng bước khẳng định vị thế của sản phẩm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng trên thị trường tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

1.2- Trong Y tế, giáo dục:

Các đề tài đã tập trung vào nghiên cứu, đề xuất giải pháp chuyển giao các kỹ thuật - công nghệ, giải pháp phòng và điều trị bệnh ở Tây Ninh. Kết quả nghiên cứu đã và đang được phổ biến, áp dụng trong điều trị và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh góp phần giảm chi phí y tế điều trị trực tiếp và gián tiếp của bệnh nhân, gia đình và toàn xã hội do phải nhập viện, cấp cứu; cảnh báo người dân cách phát hiện và phòng ngừa bệnh, cải thiện môi trường sống và làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống.

1.3- Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc: Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học để cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu... để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

- **Chương trình hỗ trợ PTTSTT giai đoạn 2012 – 2015;** cấp 36 giấy xác nhận đăng ký tham gia chương trình và cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định cho 03 cơ sở, doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho các Hợp tác xã (HTX) có thương hiệu như: bánh tráng phơi sương Trảng Bàng và măng cầu Bà Đen tham dự hội thảo tại TP.HCM và Bạc Liêu nhằm giới thiệu và quảng bá sản phẩm đặc sản của địa phương.

- **Dự án nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa:** Hỗ trợ 03 doanh nghiệp áp dụng HTQL và 1 doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

- **Chương trình “Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh”:** trong năm 2013, 2014 hướng dẫn 12 hồ sơ; xét duyệt 01 hồ sơ được hỗ trợ kinh phí theo quy định, tuy nhiên doanh nghiệp không cung cấp đáp ứng yêu cầu chứng từ theo quy định để được hỗ trợ kinh phí cụ thể.

2. *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chiến lược KH&CN*

- Giá trị TFP của địa phương: chưa đánh giá do chưa có dữ liệu và phương pháp chưa thống nhất và rõ ràng đảm bảo độ tin cậy đánh giá.

- Tỷ lệ % sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghiệp: chưa có công nghệ cao.

- Tốc độ đổi mới công nghệ: chưa thực hiện đánh giá trình độ công nghệ để có cơ sở xác định tốc độ công nghệ; phát triển thị trường KH&CN còn nhiều hạn chế.

- Số doanh nghiệp đã được cấp hoặc đang hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN: 0

- Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về KH&CN (bao gồm cả kinh phí sự nghiệp và đầu tư phát triển)/Tổng đầu tư xã hội (*Biểu 2. Phụ lục*)

- Về sở hữu trí tuệ:

+ Số lượng đơn đăng ký bằng độc quyền sáng chế/ Số văn bằng được cấp: 6/1

+ Số lượng đơn đăng ký bằng giải pháp hữu ích/Số văn bằng được cấp: 2/0

+ Số lượng đơn đăng ký bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp/Số văn bằng được cấp: 57/32

+ Số lượng đề nghị giấy chứng nhận: đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.../Số lượng được cấp: 377/319

III. Đánh giá khái quát những thành tựu và hạn chế trong hoạt động KH&CN của giai đoạn 2011- 2015

1. Thành tựu

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, Bộ KH&CN, trong thời gian qua Sở KH&CN đã chủ động tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa các chủ trương chính sách, pháp luật về KH&CN; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo sâu sát đối với sự nghiệp phát triển KH&CN về nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ về KH&CN, hoàn thiện môi trường pháp lý, đẩy mạnh đổi mới tổ chức và quản lý KH&CN, tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN,... góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng KH&CN: các đề tài, dự án (ĐTDA) đều bám sát thực tiễn, yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương, kết quả nghiên cứu được các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan triển khai ứng dụng trong công tác quản lý của ngành, trong thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần tích cực trong phát triển KT-XH của tỉnh. Trong đó, các kết quả nghiên cứu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường đã phục vụ xây dựng luận cứ khoa học cho các phương án phát triển KT-XH và kêu gọi đầu tư của tỉnh. Hoạt động quản lý, nghiên cứu, ứng dụng triển khai KH&CN đã chú trọng áp dụng những thành tựu KH&CN vào việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất sản xuất trên các lĩnh vực, trong đó đã tập trung ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nâng cao chất lượng, tính cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa nông sản của địa phương. Hoạt động quản lý nhà nước ở cơ sở nhất là ở cấp

huyện được quan tâm, đẩy mạnh hơn qua việc thường xuyên củng cố, duy trì và nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn hoạt động của các Hội đồng KH&CN cơ sở nhằm giúp UBND huyện, các ngành có các cơ sở, định hướng khoa học về phát triển KH&CN trên địa bàn gắn với nhu cầu phát triển KT-XH tại địa phương, của ngành. Từng bước hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước ở cơ sở triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về KH&CN.

Về nâng cao tiềm lực KH&CN, đã được đầu tư đang triển khai Dự án “Đầu tư trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN”; Triển khai thực hiện mới dự án Nâng cao năng lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng của Chi cục TĐC.

Công tác thông tin KH&CN được đẩy mạnh thông qua báo đài, thông tin KH&CN của sở, bản tin chọn lọc hàng tháng những văn bản chỉ đạo, quy định về KH&CN của cấp có thẩm quyền, kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án, những ứng dụng tiến bộ KH&CN được tuyên truyền, phổ biến. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ được chú trọng, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo cho các HTX, doanh nghiệp, cơ quan đơn vị quản lý nhà nước; từng bước xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh; đã thực hiện đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Mãng cầu Bà Đen, nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm Bánh tráng phơi sương Trảng Bàng và Muối ớt Tây Ninh.

Công tác quản lý nhà nước chuyên ngành được triển khai thường xuyên: tổ chức và tham gia thẩm định công nghệ, góp ý và tư vấn về công nghệ các dự án đầu tư, góp phần ngăn chặn công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường nhập vào địa phương; Về công tác quản lý công nghệ, an toàn bức xạ được thực hiện thường xuyên, đảm bảo quy định quản lý nhà nước, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn bức xạ đến các tổ chức, cá nhân có liên quan; cấp mới, gia hạn Giấy phép sử dụng máy X quang, Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện đúng quy định.

Về quản lý chuyên ngành, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hàng hóa lưu thông được tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, đồng thời giúp các cơ sở sản xuất và kinh doanh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các phương tiện đo và công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá. Triển khai áp dụng HTQLCL vào các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần thực hiện cải cách hành chính của tỉnh, đạt hiệu quả cao trong công tác, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên hệ công tác.

2. Những hạn chế, nguyên nhân

Hoạt động KH&CN chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH của tỉnh, chưa trở thành động lực mạnh mẽ

thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Quản lý KH&CN chỉ mới tập trung ở cấp tỉnh, thiếu cán bộ để tổ chức, tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN ở cấp cơ sở. Một số ngành, địa phương, doanh nghiệp chưa coi trọng việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Quá trình đầu tư, đổi mới công nghệ còn chậm nên năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nguồn đề xuất ĐTDA KH&CN không nhiều, mục tiêu, nội dung nghiên cứu còn phân tán, dàn trải. Các ĐTDA còn mang tính bao cấp, chưa huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách cùng tham gia, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp. Chất lượng và hiệu quả nghiên cứu của một số ĐTDA còn hạn chế, giá trị khoa học và giá trị thực tiễn chưa cao, khả năng mở rộng việc áp dụng vào sản xuất và đời sống còn khó khăn. Các ĐTDA ở lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học nông nghiệp ứng dụng vào thực tiễn chưa có điểm nhấn. Phần lớn cán bộ khoa học của địa phương làm công tác quản lý, công tác sự nghiệp, thiếu các cán bộ, chuyên gia giỏi, có kinh nghiệm ở nhiều lĩnh vực và chủ trì, chủ nhiệm các chương trình, ĐTDA nghiên cứu ứng dụng KH&CN. Công tác tuyên truyền kết quả nghiên cứu các ĐTDA sau nghiệm thu chỉ dừng lại trong phạm vi của sở, ban, ngành được giao ứng dụng, chưa phổ biến sâu, rộng qua các kênh thông tin đại chúng. Tuy đã được UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản pháp lý phục vụ công tác quản lý về ĐTDA nhưng chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung các nội dung để đáp ứng thực tế; sự phối hợp giữa các sở ngành trong công tác quản lý còn thiếu đồng bộ, các thông tư hướng dẫn quy định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng.

Công tác tạo lập và phát triển nguồn lực thông tin KH&CN khó khăn, lúng túng và chỉ mới thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN việc lưu giữ các nhiệm vụ khoa học công nghệ bắt đầu từ năm 2012. Công tác tuyên truyền qua báo đài tập san và các lớp tập huấn về nhiệm vụ hoạt động thông tin – sở hữu trí tuệ (TT-SHTT) cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân chưa đạt được kết quả cao do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cơ sở, doanh nghiệp chưa quan tâm tham gia. Công tác xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh còn chậm, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh. Các mô hình HTX hoặc các hiệp hội ngành nghề từ trước đến nay hoạt động còn hạn chế, nên việc chuyển giao thương hiệu cho HTX quản lý và phát triển thương hiệu còn gặp nhiều khó khăn. Đến nay, Sở KH&CN chưa chuyển giao thương hiệu CDDL Bà Đen cho HTX quản lý và sử dụng. Công tác phối hợp triển khai hoạt động quản lý Nhà nước về TT-SHTT giữa các sở ngành chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Tốc độ đổi mới công nghệ Việc phát triển thị trường khoa học công nghệ ở tỉnh còn khó khăn, việc gắn kết nhà khoa học, nhà quản lý với nhà sản xuất, kinh doanh còn hạn chế, nên chưa thương mại hóa được kết quả nghiên cứu, số lượng giao dịch mua bán công nghệ còn thấp. Việc thành lập Quỹ Phát triển KH&CN ở địa phương chưa thực hiện được do điều kiện quản lý quỹ chưa đáp ứng, cơ chế hoạt động quỹ là kiêm nhiệm nên rất khó khăn trong công tác điều hành, thực hiện nghiệp vụ của quỹ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ Phát triển

KH&CN từ lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp theo quy định chưa nhiều, do các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm và công tác tuyên truyền còn hạn chế.

Tổ chức, bộ máy hoạt động của ngành KH&CN chưa được kiện toàn theo Thông tư số 05/2008/TTLT-BKH&CN-BNV, nhân sự hoạt động KH&CN ở cấp huyện, thành phố còn thiếu chưa có biên chế chuyên trách và chưa được đào tạo chuyên sâu.

PHẦN II. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016 – 2020:

I. Định hướng, mục tiêu

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học được ứng dụng phổ biến trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, y tế và bảo vệ môi trường. Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong các lĩnh vực công nghiệp.

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH và an ninh quốc phòng, các giải pháp đề nền kinh tế địa phương phát triển nhanh, bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế thành công.

- Phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hướng hiện đại nhằm phát triển mạnh tiềm lực KH&CN.

- Phân đấu đến năm 2020 tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao đạt 20%; tỷ lệ đổi mới công nghệ đạt 15%; 01 đăng ký sáng chế bảo hộ.

II. Những nhiệm vụ chủ yếu

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển sản xuất và đời sống, phát triển kinh tế-xã hội phục vụ an ninh, quốc phòng.

- Tạo lập thị trường KH&CN thông qua việc đẩy mạnh xã hội hóa KH&CN. Triển khai chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, chương trình phát triển tài sản trí tuệ, chương trình nâng suất chất lượng nhằm phục vụ tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách phát triển KH&CN của tỉnh. Tăng cường đầu tư tiềm lực và phát triển có chọn lọc các tổ chức KH&CN trên địa bàn. Nâng cao tính tự chủ của các cơ quan nghiên cứu khoa học, thúc đẩy việc hình thành lực lượng các doanh nghiệp KH&CN. Tạo môi trường thuận lợi cho việc gắn kết nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, giáo dục và đào tạo.

- Có chính sách thu hút, trọng dụng và phát huy tài năng cán bộ KH&CN cả trong và ngoài tỉnh; phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật trình độ cao trong các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh; chính sách khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp trong nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật có giá trị

khoa học và giá trị thực tiễn cao; chính sách sử dụng cán bộ nghiên cứu khoa học đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng có khả năng, năng lực chuyên môn tốt, có sức khỏe và tâm huyết với nghề nghiệp; chính sách tổ chức quy hoạch dự nguồn, tạo nguồn cho lực lượng làm công tác nghiên cứu khoa học. Chú trọng khai thác tài sản trí tuệ trong nước và các nước phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao.

III- Giải pháp thực hiện

- Quản lý nhà nước về KH&CN tập trung việc xác định, tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức chủ trì thực hiện; xây dựng và đặt hàng triển khai thực hiện những nhiệm vụ KH&CN có tính cấp thiết thông qua việc đẩy mạnh cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

- Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hoạt động KH&CN của tỉnh đến năm 2020, các kế hoạch 05 năm nhằm góp phần đưa Tây Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

- Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn về KH&CN cấp tỉnh và huyện. Mở rộng mạng lưới hoạt động KH&CN. Tăng cường nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng tại các sở, ban ngành, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức bộ máy cấp tỉnh: Tổ chức Hội đồng KH&CN, bố trí cán bộ làm công tác quản lý KH&CN tại các sở, ngành; tăng cường nhân lực cho Sở KH&CN và các đơn vị trực thuộc (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN). Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ là đơn vị đầu mối của tỉnh để nhanh chóng đưa ứng dụng KH&CN vào đời sống, sản xuất.

+ Tổ chức bộ máy cấp cơ sở: Kiện toàn bộ máy quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện để đảm bảo có cán bộ chuyên trách về KH&CN, tăng cường vai trò và hoạt động của Hội đồng KH&CN cấp huyện; tại các sở, ngành đều có cán bộ phụ trách hoạt động KH&CN.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa trong hoạt động KH&CN: Vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp nhà nước phải thành lập quỹ phát triển KH&CN, đồng thời vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN từ lợi nhuận trước thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển và hoàn thiện thị trường KH&CN:

+ Tham mưu xây dựng các chính sách và quy định về hỗ trợ, tài trợ để khuyến khích liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ, trường đại học trong việc đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hình thành doanh nghiệp KH&CN mới.

+ Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm túc pháp luật về sở hữu trí tuệ. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh.

+ Tham mưu UBND tỉnh thành lập Quỹ KH&CN của tỉnh theo quy định để hỗ trợ, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong nước, các kết quả nghiên cứu có triển vọng thành sản phẩm có tiềm năng thương mại và thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của sản xuất trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thông qua chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư.

+ Phát triển và xã hội hóa mạnh các hoạt động dịch vụ KH&CN, đặc biệt là các dịch vụ thông tin, tư vấn, phân biện, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, các dịch vụ về sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN và mở rộng hợp tác về KH&CN:

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển KH&CN, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật đồng thời nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị hoạt động KH&CN công lập như các trung tâm, bệnh viện, trường học,... phục vụ cho việc ứng dụng tiến bộ KH&CN, phòng trị bệnh, trước mắt ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực phát triển công nghệ sinh học, thử nghiệm, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

+ Quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN. Tham mưu thực hiện các chính sách thu hút nhân tài, hoạt động khuyến học, khuyến tài và đào tạo cán bộ KH&CN trình độ cao. Triển khai có hiệu quả các chính sách liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh đội ngũ trí thức về KH&CN.

+ Mở rộng sự hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cơ quan KH&CN trong và ngoài nước; tranh thủ các chính sách ưu tiên, các chương trình hỗ trợ, tài trợ từ nhà nước và các tổ chức quốc tế để xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN, tìm kiếm công nghệ, bí quyết công nghệ đóng góp tích cực vào đổi mới và chuyển giao công nghệ.

- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ:

+ Tăng cường liên kết với các viện, trường, các tỉnh nhằm rút ngắn khoảng cách KH&CN tỉnh Tây Ninh so với cả nước và đáp ứng tốt yêu cầu hội nhập quốc tế về KH&CN.

+ Tham mưu việc áp dụng các chính sách ưu tiên, chương trình hỗ trợ, tài trợ từ Trung ương, quốc gia, tổ chức quốc tế cho các cơ quan, tổ chức KH&CN của tỉnh.

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới cơ chế quản lý và chính sách phát triển KH&CN của tỉnh. Tham mưu việc đổi mới cơ chế tài chính, tăng cường đầu tư tiềm lực và phát triển có chọn lọc các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh.

+ Phát triển thị trường KH&CN. Triển khai mạnh các chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp.

PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Quyết định quy định về việc thành lập và hoạt động Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương.

- Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thành lập, sử dụng và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Ban hành văn bản xây dựng khung nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng chung cho các Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN để thực hiện Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 25/8/2014 về việc hướng xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập

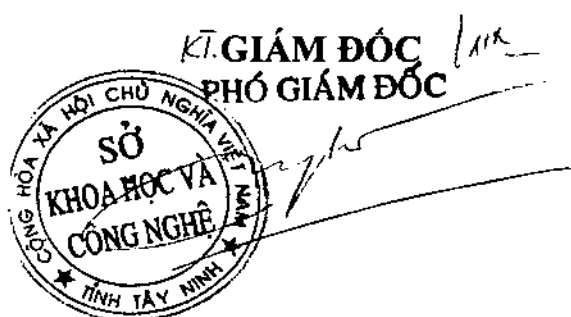
- Giới thiệu, đưa mô hình mẫu về “quản lý và phát triển thương hiệu mang lại hiệu quả”, để các địa phương có điều kiện trao đổi, học tập và triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ PTTSTT.

- Phối hợp với Tổng cục Thống kê xác định các dữ liệu cần thiết để tính mức đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và đưa vào niên giám thống kê hàng năm nhằm tạo sự thống nhất chung trong việc tính toán TFP của các tỉnh.

- Xem xét lại các quy định về vật liệu hàn tại Thông tư số 22/2013/TT-BKH&CN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường cho phù hợp với trình độ công nghệ sản xuất./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Vụ PT KH&CN địa phương;
- Sở KH&CN Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Hùng

**Phụ Lục: các biểu tổng hợp số liệu trong hoạt động KH&CN
giai đoạn 2011-2015**

Biểu 1: Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN:

STT	Loại VBQPPL/cấp ban hành	Tên văn bản	Ghi chú
1	Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng Chi dẫn địa lý “Bà Đen” và cho sản phẩm quả măng cầu.	
2	Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh	Ban hành “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2012 – 2015”.	
3	Quyết định số 59/2012/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh	Ban hành “Quy định hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012-2015”.	
4	Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh	Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Quy định hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 59/2012/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh.	
5	Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh	Ban hành “Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.	

Biểu 2: Tổ chức bộ máy và nhân lực KH&CN:

a. Về tổ chức bộ máy:

Năm	Số lượng	Lãnh đạo Sở	Tổng số các bộ phận	Các phòng nghiệp vụ	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Doanh nghiệp KH&CN	Các tổ chức trực thuộc khác nếu có
Năm 2011		3		7	1		
Năm 2012		3		7	1		
Năm 2013		3		7	1		
Năm 2014		3		7	1		
Năm 2015		3		7	1		

b. Về nguồn nhân lực của Sở:

+. Về trình độ chuyên môn:

Năm	Trình độ	Tổng số cán bộ	Tiến sĩ	Nghiên cứu sinh	Thạc sĩ	Đang học cao học	Đại học, cao đẳng	Trình độ khác
I. Khối hành chính (công chức):								
Năm 2011		36			06	01	26	04
Năm 2012		36			04	01	28	04

Năm 2013	37		05		29	03
Năm 2014	38		04		31	03
Năm 2015	38		04	01	30	03
Cộng A:	38		04	01	30	03
I. Khối sự nghiệp (viên chức):						
Năm 2011	16				15	01
Năm 2012	17		01		15	01
Năm 2013	18		02	01	15	01
Năm 2014	16		02	01	13	01
Năm 2015	16		02		14	01
Cộng B:	16		02		14	01
Tổng cộng (A+B):	54		06	01	44	

+. Về trình độ quản lý nhà nước:

Năm	Trình độ	Tổng số cán bộ	Ch/viên cao cấp	Ch/viên chính	Chuyên viên	Ghi chú
A. Khối hành chính (công chức):						
Năm 2011		36	04	06	13	
Năm 2012		36	03	06	12	
Năm 2013		37	02	06	14	
Năm 2014		38	03	07	20	
Năm 2015		38	03	07	20	
Cộng A:						
B. Khối sự nghiệp (viên chức):						
Năm 2011		16			10	
Năm 2012		17			9	
Năm 2013		18			11	
Năm 2014		16			9	
Năm 2015		16			9	
Cộng B:		16			9	
Tổng cộng (A+B):		54			29	

Biểu 4: Kinh phí cho hoạt động KH&CN:

1- Biểu tổng hợp kinh phí cho hoạt động KH&CN

(DVT: triệu đồng)

Năm	Kinh phí TW thông báo		Kinh phí được UBND Tỉnh/ thành phố duyệt		Kinh phí Thực hiện		Tổng số kinh phí đầu tư xã hội
	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH	
2011	10.000	16.050	10.000	16.050	10.000	16.050	26.050
2012	12.000	18.037	12.000	20.000	12.000	20.000	20.000
2013	15.000	20.797	15.000	21.000	15.000	21.000	36.000
2014	16.000	20.800	16.000	21.000	16.000	21.000	37.000
2015 (theo KH)	15.000	20.840	15.000	21.000	15.000	21.000	37.000
Tổng	68.000	96.524	68.000	99.050	68.000	99.050	167.050

2- Giải trình các khoản chi đã thực hiện của kinh phí sự nghiệp khoa học (ĐVT: triệu đồng)

Năm	KP chi cho hoạt động nghiên cứu triển khai	KP cho các hoạt động quản lý nhà nước (TCĐLCL, SHTT, thanh tra, công nghệ, an toàn bức xạ, thông tin, đào tạo...)	KP cho tăng cường tiềm lực trang thiết bị kỹ thuật	KP cho các hoạt động sự nghiệp	Tổng cộng
2011	4.573	1.867	0	610	9.000
2012	4.781	3.009	0	810	11.400
2013	5.201	3.300	0	765	11.734
2014	5.900	2.600	0	780	11.720
2015	6.800	3.000	0	833	10.367
(theo KH)					
Tổng	22.255	13.776	0	3.798	54.221

Biểu 5: Danh mục các dự án đầu tư phát triển KH&CN thực hiện giai đoạn 2011-2015:

Đvt: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư	Kết quả/tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Nâng cao năng lực thử nghiệm cho Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ Tây Ninh	10,307	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2012	
2	Công trình Tăng cường năng lực quản lý và trang thiết bị kiểm định cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Tây Ninh	14,669	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2014	
3	Xây dựng trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học cho Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ Tây Ninh	34,665	Đã hoàn thành giai đoạn 1; Đang thực hiện tiếp giai đoạn 2 và hoàn thành dự án trong năm 2015	
4	Dự án Đầu tư trang thiết bị để tăng cường năng lực hoạt động đo lường, thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Tây Ninh	13.070	Khởi công mới trong năm 2015	

Biểu 6: Danh mục các dự án đầu tư dự kiến xây dựng giai đoạn 2016-2020:

Đvt: triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
01	Dự án “Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ” theo Quyết định 317/QĐ-TTg, cụ thể: - Trụ sở làm việc; - Xe chuyên dùng; - Máy móc, thiết bị chuyên dùng (bổ sung thêm ngoài 02 Dự án: “Đầu tư trang trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học” và “Nâng cao năng lực thử nghiệm của Trung tâm”.	Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	30,000	2015-2016	
02	Dự án “Xây dựng Trung tâm sinh học nông nghiệp công nghệ cao”. Dự án này sẽ được xây dựng và phát triển trên nền tảng “Trại thực nghiệm ứng dụng CNSH”, trực thuộc Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN, Sở KH&CN Tỉnh Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	60,000	2018-2020	
03	Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện việc xây dựng và đầu tư chiều sâu cho các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc tỉnh.	Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	110,000	2016-2020	

Biểu 7: Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, cấp Bộ:

STT	Tên nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện	Quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật chủ yếu, hiệu quả kinh tế- xã hội	Địa chỉ áp dụng kết quả
1	<p>Dự án NTMN (TW quản lý) “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi bò và canh tác sản tại các xã vùng đệm vườn Quốc gia Lò gò - Xa mát” Cơ quan chủ trì: Vườn quốc gia Lò Gò Xa mát Tây Ninh Thời gian thực hiện: 36 tháng (từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 3 năm 2015) Kinh phí thực hiện: 5.000.000.000</p>	<p>- Đối với chăn nuôi bò: quy mô của dự án là mua 60 bò cái giống, 08 bò đực giống phối giống trực tiếp đầu thai cho 240 con bò cái và gieo tinh nhân tạo đầu thai cho 240 con bò cái. Dự kiến trọng lượng bê sinh ra trong 12 tháng tuổi đạt 155kg đối với con cái và 170kg đối với con đực.</p> <p>- Đối với canh tác sản: quy mô của dự án là sản xuất được 360.000 cây giống sản KM98-5 nguyên chủng và 40 ha được áp dụng quy trình canh tác sản hiệu quả và bền vững. Dự kiến năng suất giống sản này khi trồng đạt trên 40 tấn/ha.</p> <p>Quy trình công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình lai cải tạo bò địa phương với các giống bò Zebu - Quy trình chăm sóc nuôi dưỡng các giống bò lai Zebu - Quy trình trồng thâm canh một số giống cỏ cho bò - Quy trình sử dụng phụ phẩm cây trồng ủ chua dự trữ thức ăn cho bò - Quy trình phòng và trị một số bệnh thường gặp cho đàn bò - Quy trình vỗ béo bò thịt - Quy trình chọn giống và nhân giống sản - Quy trình canh tác sản bền vững <p>* Hiệu quả về kinh tế:</p> <p>+ Đối với chăn nuôi bò: nâng cao khối lượng của bò lai thêm 10-20% so với bò địa phương. Nâng cao thu nhập từ chăn nuôi bò của các hộ dân có áp dụng các giải pháp kỹ thuật của dự án thêm 5-10% so với các hộ chăn nuôi theo kiểu truyền thống.</p> <p>+ Đối với canh tác sản: bội thu năng suất từ việc sử dụng giống sản mới là 12,5 triệu đồng/ha so với sử dụng các giống sản địa phương chưa rõ nguồn gốc.</p> <p>* Hiệu quả về xã hội:</p> <p>Nâng cao ý thức về con giống trong chăn nuôi bò, cung cấp cho nông dân giải pháp để tận dụng nguồn thức ăn phụ phẩm dư thừa, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên, hạn chế ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức cho nông dân về tầm quan trọng của việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Gúp nông dân nhận thức được tầm quan trọng của việc canh tác sản bền</p>	<p>Các xã vùng đệm vườn Quốc gia Lò gò - Xa mát tỉnh Tây Ninh. Chuyển giao các quy trình kỹ thuật cho nông dân thông qua tham quan, tập huấn và các kênh khuyến nông.</p>

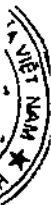
		vững. Xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi góp phần phát triển nền nông nghiệp bền vững	
2	<p>Dự án NTMN (ủy quyền địa phương quản lý) "Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất một số loại cây ăn quả (mãng cầu ta, nhãn, ổi) tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh"</p> <p>Cơ quan chủ trì: Trung tâm UD TB KH&CN Tây Ninh</p> <p>Thời gian thực hiện: 36 tháng từ năm 2013 đến năm 2016</p> <p>Kinh phí thực hiện: 5.095.730.800</p>	<p>Quy mô: 15 ha vườn măng cầu ta thời kỳ kinh doanh trong đó có 7 ha được chứng nhận và 8 ha thực hành theo hướng VietGAP. 3 ha vườn nhãn tiêu gia bò, 2 ha vườn ổi thời kỳ kinh doanh</p> <p>Quy trình kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật trồng măng cầu ta theo tiêu chuẩn VietGAP - Quy trình rải vụn măng cầu ta - Quy trình phòng ngừa "chổi rồng" trên nhãn tiêu da bò - Quy trình phòng trừ bệnh thối trái, nứt trái nhãn và bệnh hại quan trọng khác trên nhãn tiêu da bò - Quy trình trồng và phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại trên cây ổi <p>* Hiệu quả về kinh tế: hình thành vùng chuyên canh sản xuất cây ăn quả hàng hóa theo hướng VietGAP thúc đẩy sản xuất phát triển, góp phần tăng thu nhập cho nhà vườn vùng dự án.</p> <p>* Hiệu quả về xã hội: nâng cao trình độ dân trí, hình thành tập quán sản xuất cây ăn quả chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông dân vùng dự án, tạo diện mạo nông thôn mới trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.</p>	<p>- Phòng kinh tế Dương Minh Châu, trạm Khuyến nông, Hội nông dân huyện Dương Minh Châu sẽ được chuyển giao kết quả thực hiện của dự án và tạo điều kiện tiếp tục nhân rộng mô hình dự án cho các hộ nông dân, các nhà vườn có điều kiện phù hợp.</p>

Biểu 8: Tổng hợp các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố:*(Phân loại theo Bảng phân loại thống kê khoa học theo QĐ số 12/2008/BKHCN)*

Năm	Số lượng các đề tài/dự án cấp tỉnh/thành phố phân theo các lĩnh vực						Tổng số
	Khoa học tự nhiên	KH kỹ thuật và công nghệ	Khoa học y dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	
2011	0	01	03	01	02	03	10
2012	0	0	02	03	03	03	11
2013	0	01	02	01	03	01	08
2014	0	01	0	02	02	0	05
2015	0	04	0	03	02	0	09

Biểu 9: Tổng hợp các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (cấp huyện, cấp ngành) (Phân loại theo Bảng phân loại thống kê khoa học theo QĐ số 12/2008/BKHCN):

Năm	Số lượng các đề tài/dự án cấp tỉnh/thành phố phân theo các lĩnh vực						Tổng số
	Khoa học tự nhiên	KH kỹ thuật và công nghệ	Khoa học y dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	
2011	0	0	0	0	0	0	0
2012			3	2		26	31
2013		2			1	8	11
2014				1	1		02
2015		1		1	1		03





Biểu 10: Danh mục một số kết quả nghiên cứu triển khai nổi bật (chọn 2-5 kết quả tiêu biểu nhất):

Tên kết quả	Xuất xứ của kết quả - Tên đề tài/dự án, - Cơ quan chủ trì.	Quy mô, khối lượng sản phẩm, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu	Hiệu quả kinh tế - xã hội*	Địa chỉ áp dụng	Ghi chú (sản phẩm chủ lực hay không?)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<p>Áp dụng phương pháp GINA-2002 trong điều trị bệnh hen phế quản ở Tây Ninh</p>	<p>- Đề tài: Nghiên cứu, áp dụng phương pháp GINA-2002 trong điều trị bệnh hen phế quản ở Tây Ninh - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phòng chống Lao và Bệnh phổi Tây Ninh (nay là Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh)</p>	<p>- Khảo sát (một số đặc điểm dịch tễ cơ bản, đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân hen) được 600 người bằng bảng câu hỏi, chọn được 48 người có triệu chứng nghi hen phế quản (HPQ); - Xác định được tỷ lệ các yếu tố kích phát cơn hen; - Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng lưu lượng đỉnh kế và hô hấp ký trong chẩn đoán, theo dõi và quản lý điều trị bệnh nhân (BN) hen. - Hiện nay phương pháp điều trị HPQ theo GINA đã được áp dụng tại nhiều cơ sở y tế trong tỉnh Tây Ninh. Ngành y tế Tây Ninh phân tuyến chuyên môn cho Bệnh viện Lao và Bệnh phổi quản lý điều trị Lao, HPQ, Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và các bệnh hô hấp khác. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã áp dụng GINA cho bệnh nhân nằm điều trị nội trú, sau khi xuất viện hoặc đến khám tại phòng khám đều được chuyển đến BV Lao-Bệnh phổi để được quản lý ngoại trú theo GINA. Tại các Trung tâm y tế tuyến huyện, BN nghi ngờ HPQ sẽ được chuyển lên Bệnh viện Lao và Bệnh phổi để được chẩn đoán và điều trị theo GINA. Một số nơi như Trung tâm Y tế huyện Tân Châu, BV Đa khoa tư nhân Cao Văn Chí, TTYT Hòa</p>	<p>* Hiệu quả kinh tế: Giảm chi phí y tế điều trị trực tiếp và gián tiếp của BN, gia đình và toàn xã hội do phải nhập viện, cấp cứu: - Chi phí điều trị trực tiếp một BN HPQ nhập viện vì cơn Hen cho thấy: Trong thời gian nằm viện khoảng 6 ngày chi phí 1.400.000 VNĐ. Nếu Bảo hiểm y tế chi trả 80% là 1.120.000 VNĐ, BN trả 280.000 VNĐ. Nếu trong 1 năm BN lên cơn hen 5 lần và phải nhập viện thì chi phí trực tiếp 1 năm là 7.000.000 VNĐ. Trong đó BHYT phải trả 5.600.000 VNĐ, BN phải trả 1.400.000 VNĐ. Nếu áp dụng phương pháp điều trị HPQ theo GINA, chi</p>	<p>- Bệnh viện Đa khoa tỉnh; - Các Trung tâm Y tế huyện, thành phố; - Các dịch vụ Y tế tư nhân trong tỉnh chăm sóc điều trị bệnh HPQ</p>	<p><i>Sau khi nghiệm thu, đề tài đã được báo cáo kinh nghiệm cho nhiều cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh. Năm 2011 đề tài được Sở khoa học công nghệ đánh giá cao về giá trị ứng dụng và triển khai hiệu quả nên chọn thực hiện phóng sự truyền hình. Tháng 10 năm 2011 được chọn tham gia Ngày Phụ nữ sáng tạo năm 2011 tại Hà Nội và nhận Bằng khen của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Tham gia thi và đạt giải nhì trong Hội thi Sáng tạo khoa học và công nghệ năm 2010-2011. Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Tây Ninh. Bằng lao động sáng tạo do BCH LĐLĐ Việt Nam và Hội đồng Quỹ tài năng sáng tạo</i></p>

		<p>Thành, TTYT Dương Minh Châu, một số Cơ sở Y tế tư nhân đã sử dụng một số thuốc dạng xịt cho BN hen.</p> <p>- Đối với ngoài tỉnh, với tư cách là ủy viên Ban chấp hành Hội hô hấp thành phố Hồ Chí Minh nên chủ nhiệm đề tài đã chia sẻ, phổ biến kinh nghiệm triển khai áp dụng quản lý HPQ theo GINA và Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính theo GOLD (hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới) cho các cơ sở y tế trong cả nước (trong đó có Bệnh viện đa khoa Tiền Giang, Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp, Bệnh viện Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Bệnh viện Đa khoa Long An đã áp dụng điều trị HPQ theo GINA theo mô hình của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tây Ninh được đánh giá cao).</p>	<p>phí thuốc và đo hô hấp ký trong 1 năm khoảng 2.000.000 VNĐ.</p> <p>- Như vậy nếu áp dụng đúng cách điều trị quản lý HPQ theo GINA, mỗi năm sẽ làm lợi cho BN và nhà nước khoảng 5.000.000 VNĐ/BN/năm.</p> <p>- Số tiền làm lợi trong thực tế sẽ lớn hơn rất nhiều khi tính được các chi phí gián tiếp và chi phí quản lý BN bị COPD</p> <p>* Hiệu quả xã hội:</p> <p>- Cảnh báo người dân cách phát hiện và phòng ngừa bệnh HPQ, cải thiện môi trường sống và làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống.</p> <p>- Thay đổi kiến thức thái độ hành vi đối với bệnh HPQ của nhân viên y tế và cộng đồng.</p> <p>- Các cơ quan chức trách quan tâm bảo vệ và cải thiện môi</p>		<p><i>nữ. Giải thưởng tài năng sáng tạo nữ năm 2011, 2012</i></p>
--	--	--	---	--	---

			<p>trường để không bị ô nhiễm khói bụi, mùi hôi ...là những yếu tố góp phần kích phát cơn HPQ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hút sự quan tâm ngày càng lớn của bệnh nhân và cộng đồng đối với các bệnh hô hấp mạn tính không lây ngoài lao. - Bệnh nhân mau kiểm soát được bệnh, giúp tăng và duy trì ổn định nhân lực lao động cho xã hội. Cha mẹ không phải lo lắng hoặc nghỉ làm để chăm sóc con họ. Người thân không phải mất thu nhập vì chăm sóc người thân nằm viện. <p>* Hiệu quả Về mặt kỹ thuật công nghệ: Nhờ có Chương trình quản lý HPQ nên BV Lao-Bệnh phổi Tây Ninh đã thực hiện được một số chương trình khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng máy hô hấp ký lần đầu tiên tại tỉnh Tây Ninh cho 	
--	--	--	--	--

			<p>đến nay. Rất nhiều cơ sở y tế trong cả nước muốn sử dụng máy hô hấp ký nhưng nguồn lực còn nhiều hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng thành công phương pháp điều trị HPQ theo GINA, quản lý COPD theo Hướng dẫn của GOLD phù hợp đặc thù cơ sở. - Triển khai được phòng quản lý HPQ và Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ngoại trú. - Chương trình tư vấn cai thuốc lá, tầm soát các bệnh hô hấp do Hút thuốc lá. - Tầm soát COPD cho người dân có tiếp xúc khói bếp trong nhà. - Đánh giá chức năng hô hấp cho BN bị di chứng điều trị lao phổi - Nâng cao trình độ, kỹ năng cho nhân viên y tế. - Được BV Phổi Trung ương cung cấp 		
--	--	--	---	--	--

			<p>cho 1 máy thăm dò chức năng hô hấp xách tay, Tổ chức Chăm sóc hô hấp ban đầu quốc tế (IPCRG) của Vương quốc Anh tặng 1 máy thăm dò chức năng hô hấp do tham gia đề tài nghiên cứu đa quốc gia về Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD), gọi là nghiên cứu FRESH AIR</p>		
<p>Quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng ở Đảng bộ tỉnh Tây Ninh</p>	<p>- Đề tài: Xây dựng quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng ở Đảng bộ tỉnh Tây Ninh - Cơ quan chủ trì: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Tây Ninh</p>	<p>- Hệ thống được 27 quy trình (QT) và các biểu mẫu kèm theo đối với từng nhiệm vụ của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng: + QT (1): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy kiểm tra đối với Tổ chức đảng; + QT (2): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy kiểm tra đối với Đảng viên; + QT (3): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giải quyết tố cáo đối với Tổ chức đảng; + QT (4): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giải quyết tố cáo đối với Đảng viên; + QT (5): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy thi hành kỷ luật đối với Tổ chức đảng; + QT (6): quy trình Cấp ủy, Ban thường</p>	<p>Quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng ở Đảng bộ tỉnh Tây Ninh nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát đối với Tổ chức đảng và Đảng viên trong Đảng bộ; nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, góp phần tạo niềm tin, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p>	<p>Sau khi đề tài được công nhận kết quả nghiệm thu, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Tây Ninh tổ chức triển khai ứng dụng cho 14 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; 647 tổ chức cơ sở đảng; 1595 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở và 25.479 đảng viên; 189 Ủy ban kiểm tra từ tỉnh đến cơ sở; Các cơ quan tham mưu, giúp</p>	<p><i>Thực hiện Chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đã phát hành 223 đĩa CD chép các biểu mẫu (cấp tỉnh: 10 đĩa, cấp huyện và tương đương: 30 đĩa; cấp cơ sở: 183 đĩa) và in tổng số: 7.388 quyển sách để cấp phát và hướng dẫn cho các Đảng bộ, Tổ chức đảng, Chi bộ trực thuộc.</i></p>

		<p>vụ cấp ủy thi hành kỷ luật đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (7): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (8): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (9): quy trình cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (10): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giám sát thường xuyên đối với đảng viên;</p> <p>+ QT (11): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giám sát chuyên đề đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (12): quy trình Cấp ủy, Ban thường vụ cấp ủy giám sát chuyên đề đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (13): quy trình Ủy ban Kiểm tra kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (14): quy trình Ủy ban Kiểm tra kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (15): quy trình Ủy ban Kiểm tra kiểm tra việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với Tổ chức đảng cấp dưới;</p> <p>+ QT (16): quy trình Ủy ban Kiểm tra kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong đảng đối với Tổ chức đảng cấp dưới;</p> <p>+ QT (17): quy trình Ủy ban Kiểm tra</p>		<p>việc của cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương</p>	
--	--	--	--	---	--

		<p>kiểm tra tài chính đảng đối với Cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp và Tổ chức đảng cấp dưới;</p> <p>+ QT (18): quy trình Ủy ban Kiểm tra giải quyết tố cáo đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (19): quy trình Ủy ban Kiểm tra giải quyết tố cáo đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (18): quy trình Ủy ban Kiểm tra giải quyết tố cáo đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (20): quy trình Ủy ban Kiểm tra tham mưu thi hành kỷ luật đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (21): quy trình Ủy ban Kiểm tra tham mưu thi hành kỷ luật đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (22): quy trình Ủy ban Kiểm tra giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (23): quy trình Ủy ban Kiểm tra giám sát thường xuyên đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (24): quy trình Ủy ban Kiểm tra giám sát thường xuyên đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (25): quy trình Ủy ban Kiểm tra giám sát chuyên đề đối với Tổ chức đảng;</p> <p>+ QT (26): quy trình Ủy ban Kiểm tra giám sát chuyên đề đối với Đảng viên;</p> <p>+ QT (27): quy trình Chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.</p> <p>- Đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện:</p>			
--	--	---	--	--	--

Biểu 11: Số liệu về công tác quản lý công nghệ:

STT	Nội dung công việc	Số lượng	Các lĩnh vực công nghệ thẩm định
1	Thẩm định dự án đầu tư	23	
2	Thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ		
3	Giám định công nghệ		

Biểu 12: Số liệu về công tác quản lý an toàn bức xạ:

STT	Nội dung công việc	Số lượng	Ghi chú
1	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	44	
2	Thẩm định, cấp phép, gia hạn giấy phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	73	
3	Cấp giấy xác nhận khai báo thiết bị x quang	10	

Biểu 13: Số liệu thống kê về Sở hữu trí tuệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thông tin KH&CN.

STT	Nội dung công việc	Số lượng	Ghi chú
1	Hoạt động SHTT: - Số đơn đăng ký	442	Nhãn hiệu (377), Kiểu dáng công nghiệp (57), Giải pháp hữu ích (2), sáng chế (6)
	- Số văn bằng được cấp	352	Nhãn hiệu (319), Kiểu dáng công nghiệp (32), Giải pháp hữu ích (0), sáng chế (1)
2	Hoạt động thông tin:		
	Số ấn phẩm thông tin phát hành	8650 quyển	Tập san thông tin KH&CN: Năm 2011 (2200q), 2012 (2385q), 2012 (2055q), 2014 (2010q)
	Bản tin phát hành 12 số/năm x 4 năm	48 số	1 số phát hành: 1024 bản
	Thông tin chuyên mục KH&CN 12 chuyên mục/năm x 4 năm	48 chuyên mục	

Biểu 14: Số liệu về hoạt động tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng:

STT	Nội dung công việc	Số lượng, đơn vị tính	Ghi chú
1	Số lần các phương tiện đo được kiểm định	27319 ptđ	
2	Số lượng mẫu thử nghiệm	1646 mẫu	
3	Hướng dẫn cho các doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.	325 đơn vị	
4	Hướng dẫn công bố tiêu chuẩn cho các sản phẩm	172 TCCS	

Biểu 15: Thống kê hoạt động thanh tra:**1. Tổng hợp số liệu thanh tra:**

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số cuộc thanh tra	552	
2	Số đơn vị được thanh tra	552	
3	Số đơn vị vi phạm phát hiện và xử lý	37	
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	670.330.767 đồng	
5	Số lượng các lô sản phẩm, hàng hóa lớn vi phạm và hình thức xử lý		

2. Số tổ chức/cá nhân đã thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Năm	Nội dung thanh tra, kiểm tra						
	Đề tài, dự án, tổ chức KHCN	Tiêu chuẩn, QCKT	Đo lường, CLSPHH	ATBXHN	CGCN	SHTT	Giải quyết KNTC
2011	01		124				
2012			195	16			
2013			121				
2014	01		74	16			
2015							
Cộng	02		514	32			

3. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&CN:

(đồng)

Năm	Nội dung thanh tra, kiểm tra						
	Đề tài, dự án, tổ chức KHCN	Tiêu chuẩn, QCKT	Đo lường, CLSPHH	ATBXHN	CGCN	SHTT	Giải quyết KNTC
2011			39.550.000				
2012			467.217.071	11.500.000			
2013			126.306.196				
2014			25.807.500				
2015							
Cộng			658.880.767	11.500.000			